

## VÀI NÉT VỀ VIỆN TRỢ PHÁT TRIỂN CỦA NHẬT BẢN CHO VIỆT NAM

PHẠM THỊ HIẾU\*

Sau gần 35 năm thiết lập quan hệ ngoại giao đến nay (23/9/1973), quan hệ giữa Việt Nam - Nhật Bản không ngừng củng cố và phát triển trên nhiều lĩnh vực. Quan hệ giữa hai nước đã bước sang giai đoạn mới về chất và đi vào chiều sâu trên tất cả các lĩnh vực như kinh tế chính trị, văn hóa... Nhật Bản là đối tác quan trọng hàng đầu và luôn là bạn hàng số 1 của Việt Nam, tính đến tháng 8/2007, Nhật Bản có 855 dự án đầu tư trực tiếp có hiệu lực tại Việt Nam với tổng số vốn đầu tư đăng ký 8,4 tỷ USD. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam-Nhật Bản năm 2006 đạt 10 tỷ USD<sup>(1)</sup>. Đặc biệt về viện trợ phát triển chính thức (ODA), Nhật Bản luôn là nước tài trợ lớn nhất cho Việt Nam từ 1992-2006 đạt khoảng 11,5 tỷ USD, chiếm khoảng 30% lượng ODA của cộng đồng quốc tế cam kết dành cho Việt Nam (xem Bảng 2). Nhìn chung, nguồn vốn ODA của Nhật Bản đã đóng góp quan trọng trong xây dựng và phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam trong thời gian vừa qua. Bài viết này sẽ đánh giá vài nét viện trợ phát triển của Nhật Bản đối với Việt Nam.

### 1. Một số đặc điểm chủ yếu về ODA của Nhật Bản.

Trong “Cương lĩnh ODA” soạn thảo năm 1992, Nhật Bản đã làm rõ những khái niệm và nguyên tắc trong hỗ trợ ODA, theo đó: “Hỗ trợ ODA của Nhật Bản là để đóng góp cho hòa bình và sự phát triển của cộng đồng quốc tế, nhờ đó đảm bảo an ninh và sự phồn vinh cho đất nước Nhật Bản”. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Nhật Bản là một khoản tiền của ngân sách Nhật Bản trích từ tiền thuế đóng góp của người dân Nhật Bản. Chính vì vậy, Nhật Bản đã hình thành một cơ quan Hợp tác quốc tế trực thuộc Chính phủ làm nhiệm vụ theo dõi, đánh giá hiệu quả nguồn vốn ODA. Do đó, để đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn ODA, Cơ quan này đã đưa ra quan điểm như sau: “Để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho các nước đang phát triển, Chính phủ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ (NGOs), các doanh nghiệp tư nhân v.v., đã và đang thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế. Trong các hoạt động này, hỗ trợ về kinh phí và hợp tác kỹ thuật của Chính phủ dành cho các nước đang phát triển được gọi là Viện trợ phát triển chính thức (Official Development Assistance gọi tắt là ODA)”<sup>(2)</sup>. Như vậy, khác với nguồn vốn ODA của các nước khác, vốn ODA của Nhật Bản có đặc điểm sau:

\* Thạc sĩ, Công ty Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy Việt Nam

<sup>(1)</sup> [http://www.cpv.org.vn/print\\_preview.asp?id=BT25110737784](http://www.cpv.org.vn/print_preview.asp?id=BT25110737784)

<sup>(2)</sup> JICA in Vietnam, 2006, tr12

- *Thứ nhất*, ODA của Nhật Bản thực hiện trên nguyên tắc tiếp nhận yêu cầu từ các nước tiếp nhận ODA.

- *Thứ hai*, ít mang tính điều kiện ngặt nghèo về áp lực chính trị so với các nước khác, thường thiên về hỗ trợ theo công trình. Nhưng nguồn vốn đó thường kèm theo những điều kiện nhất định liên quan đến hỗ trợ chính sách đối ngoại của Nhật Bản; hoặc nhằm phục vụ cho lợi ích của các doanh nghiệp Nhật Bản, kích thích xuất khẩu hàng hóa Nhật Bản.

- *Thứ ba*, trong cơ cấu ODA với tỷ lệ cao là ODA vốn vay (tín dụng đồng Yên) và một mức thấp dành cho ODA không hoàn lại, trong đó, chú trọng tới hỗ trợ theo dạng trợ giúp kỹ thuật. Sử dụng ODA vốn vay trong nguồn vốn ODA của Nhật Bản là để hỗ trợ phần nào những trì trệ của nền kinh tế Nhật Bản, duy trì thế cân bằng và phát triển kinh tế, góp phần nhất định làm chậm lại quá trình giảm sút sức tăng trưởng.

Ngoài ra, Nhật Bản đã xây dựng các nguyên tắc cung cấp ODA, điều này đã được cụ thể hóa trong Hiến chương về ODA của Nhật Bản<sup>(3)</sup> và có thể tóm lược các nội dung đó như sau:

*Một là*, Nhật Bản sẽ tích cực thúc đẩy chính sách đối ngoại với các nước tiếp nhận ODA nhằm tổng hợp và phân tích thông tin thu nhận được. Qua đó, Chính phủ Nhật Bản cũng chia sẻ với nhà lãnh đạo của các nước đó những nhận thức về chính sách phát triển

vĩ mô của họ để vận dụng chúng trong quá trình xem xét các yêu cầu vay của các nước này.

*Hai là*, để đáp ứng được những nhu cầu đa dạng của các nước đang phát triển ở những mức độ phát triển khác nhau, Chính phủ Nhật Bản sẽ tận dụng cơ hội ở mức tối đa có thể để làm giảm bớt khối lượng giá trị của các khoản vay nợ. Do đó, Trong cơ cấu ODA, hình thức ODA không hoàn lại, hỗ trợ kỹ thuật là hình thức được Chính phủ Nhật Bản sẽ xem xét. Tất cả các hình thức này gắn với nhau một cách hữu cơ và bổ sung cho nhau.

*Ba là*, khi có đề nghị cung cấp ODA, Chính phủ Nhật Bản liên hệ và hợp tác với các cơ quan cung cấp ODA của các nước khác ví như các cơ quan của các tổ chức Liên Hợp Quốc (LHQ) và các tổ chức tài chính quốc tế để xem xét, kể cả các chính quyền địa phương và các tổ chức tư nhân của Nhật Bản như các tổ chức lao động và kinh doanh cùng phối hợp. Đặc biệt là, Chính phủ Nhật Bản nỗ lực cố gắng để đảm bảo triển vọng ODA sẽ được thực hiện một cách hoàn toàn với tinh thần hợp tác thông qua các tổ chức quốc tế.

*Bốn là*, Nhật Bản thực hiện việc sử dụng công nghệ và các hiểu biết kỹ thuật đã có, những thành công trong vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tương ứng cho việc bảo vệ môi trường.

*Năm là*, về lĩnh vực chuyển giao công nghệ, song song với quá trình chuyển giao công nghệ tiên tiến tương ứng với trình độ phát triển của nước tiếp nhận ODA, Nhật Bản sẽ thúc đẩy việc phát triển công nghệ thích hợp ở các nước đang phát triển khác

<sup>(3)</sup> Bộ Ngoại giao Nhật Bản, "Japan's Official Development Assistance Charter", <http://www.mofa.go.jp/policy/oda/reform/charter.html>,

sao cho công nghệ được ứng dụng một cách triệt để ở những nước này. Nhật Bản sẽ sử dụng những thành công ở khu vực tư nhân cũng như khu vực Nhà nước tại Nhật Bản nhằm đáp ứng sự hỗ trợ kỹ thuật đó cho khu vực tư nhân ở các nước nhận ODA.

*Sáu là*, để ứng phó với vấn đề của các công ty đa quốc gia trong khu vực, Nhật Bản sẽ hợp tác chặt chẽ hơn với các tổ chức quốc tế và các tổ chức khác cho sự hợp tác khu vực như APEC.

*Bảy là*, duy trì chặt chẽ mối quan hệ hữu cơ giữa ODA, FDI và mậu dịch, sao cho cả ba bộ phận này thúc đẩy sự phát triển của những nước đang phát triển. Để thực hiện mục tiêu này, ODA sẽ liên kết chặt chẽ và nhận sự ủng hộ từ việc hợp tác kinh tế trong khu vực tư nhân thông qua bảo hiểm mậu dịch mà những tổ chức thực hiện là Ngân hàng xuất nhập khẩu Nhật Bản.

*Tám là*, việc hợp tác nghiên cứu và hình thành những dự án hoàn thiện sẽ không ngừng được xúc tiến. Để cải thiện việc cung cấp ODA trong tương lai, thì việc đánh giá các dự án đã được thực hiện kể cả những đánh giá của phía đối tác thứ ba và nước tiếp nhận ODA cũng như các tổ chức phía Nhật Bản sẽ coi đó là một công việc quan trọng có tính thường xuyên.

*Chín là*, các công trình nghiên cứu khu vực của các nước đang phát triển, những công trình nghiên cứu về các chính sách phát triển, và các công trình đánh giá về ODA sẽ được xúc tiến mạnh hơn.

Như vậy, qua những nội dung cơ bản trên ta có thể thấy rằng dường như ODA của Nhật Bản quan tâm nhiều tới khía cạnh nhân văn hơn là khía cạnh kinh tế. Các khía cạnh

chính trị không bộc lộ rõ trong hiến chương của ODA như thời kỳ trước những năm 90 mà nó ẩn chứa một nội dung kinh tế một cách khéo léo hơn. Tuy vậy, trong bối cảnh quốc tế mới, ODA của Nhật Bản sẽ phải tiếp cận tới vấn đề kinh tế toàn cầu, dẫn đến lợi ích của Nhật Bản sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp. Chúng ta phải thừa nhận rằng, vấn đề môi trường và dân số là những vấn đề quan trọng mang tính toàn cầu đối với tất cả các nước phát triển cũng như các nước đang phát triển. Do vậy, tất cả các nước phải phối hợp với nhau để giải quyết nó như các vấn đề mang tính chung của nhân loại trong thế kỷ tới. Điều đó có nghĩa là ODA của Nhật Bản sẽ chủ trương ủng hộ mọi nỗ lực mà các nước đang phát triển đang thực hiện để vượt qua những vấn đề trên.

Để giúp người dân các nước kém phát triển thoát khỏi tình trạng đói nghèo hay vấn đề người di tản và các vấn đề khác, Nhật Bản sẽ cam kết cung cấp ODA cho những nhu cầu cơ bản của con người và viện trợ nhân đạo trong các trường hợp khẩn cấp. Chẳng hạn, trợ giúp nước họ phát triển và nghiên cứu các nguồn lực; dành ưu tiên cho xây dựng và cải thiện cơ sở hạ tầng. Như vậy, chúng tôi rằng Nhật Bản cung cấp ODA với mục đích làm cho các nước đang phát triển có thể thích ứng và phát triển nền kinh tế thị trường, giúp các nước nghèo có thể sớm giải quyết vấn đề nợ mà nó ít nhiều không làm tổn hại đến lợi ích của Nhật Bản.

## 2. Chính sách ODA của Nhật Bản cho Việt Nam.

Quan hệ viện trợ Nhật Bản cho Việt Nam trải qua những bước phát triển thăng trầm gắn liền với những biến đổi của tình hình

khu vực và quốc tế trong suốt hơn hai thập niên gần đây. Theo đó, quy mô ODA của Nhật Bản cho Việt Nam có thể chia thành hai thời kỳ chủ yếu sau: Đó là thời kỳ trước chiến tranh lạnh - thời kỳ trước những năm 1990 và thời kỳ sau chiến tranh lạnh - thời kỳ sau những năm 1990, đặc biệt là từ khi Nhật Bản chính thức nối lại viện trợ cho Việt Nam tháng 11 năm 1992. Với cách phân chia này vừa phản ánh được quy mô ODA của Nhật Bản, vừa thể hiện rõ tính đa dạng linh hoạt trong chính sách ODA Nhật Bản cho Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Về chính sách ODA của Nhật Bản, tùy theo từng góc độ khác nhau người ta có những đánh giá khác nhau. Hầu hết các nhà chính trị Nhật Bản cho rằng khi chiến tranh lạnh kết thúc, Nhật Bản cũng mau chóng hòa đồng theo xu hướng điều chỉnh chính sách ODA của các nước phát triển thuộc Tổ chức hợp tác kinh tế và phát triển (OECD). Tuy nhiên, chính sách ODA của Nhật Bản cho từng quốc gia đều mang tính đa dạng và ít trùng lặp. Tại Hội nghị thượng đỉnh ở Tokyo năm 1993, Nhật Bản mặc dù đã cam kết cùng thực hiện mục tiêu kết hoạch cung cấp ODA trung kỳ lần thứ năm, nâng khoản hỗ trợ ODA của các nước OECD cho các nước đang phát triển trong thời kỳ từ 1993 đến 1997 lên khoảng từ 70 đến 75 tỷ USD. Nhưng vì các lý do trì trệ của nền kinh tế Nhật Bản, chính phủ Nhật Bản đã quyết định cắt giảm 10% ngân quỹ ODA đối với nhiều nước vào năm 1998, nhưng ODA của Nhật Bản cho Việt Nam vẫn không thay đổi.

Tuy nhiên, để bảo đảm sử dụng ODA có hiệu quả, tiết kiệm và công khai, ba cơ quan

chịu trách nhiệm về chính sách ODA của Nhật Bản là Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đã tiến hành xem xét lại chính sách ưu tiên của Nhật Bản trong cung cấp tín dụng ODA. Dưới sự chỉ đạo của các cơ quan nói trên, năm 2002 Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC) đã công bố “Chính sách trung hạn của JBIC trong việc cung cấp tín dụng ODA cho các nước đang phát triển trong thời kỳ từ 1/4/2002 (ngày bắt đầu năm tài chính 2002 của Nhật Bản) đến 31/3/2005 (ngày kết thúc năm tài chính 2004)”<sup>(4)</sup>. Chính sách này về cơ bản sẽ tuân theo 3 nguyên tắc mới sau đây:

- Hỗ trợ có chọn lọc: JBIC sẽ có chính sách cung cấp tín dụng ODA phù hợp với nhu cầu cụ thể của từng nước tiếp nhận căn cứ vào trình độ phát triển, hình thái kinh tế-xã hội, truyền thống văn hoá, lịch sử và tôn giáo của nước đó thay vì áp dụng chính sách chung cả gói cho một nhóm nước phân theo tiêu chí khu vực địa lý và trình độ phát triển kinh tế như trước đây.

- Tăng cường chuyển giao kinh nghiệm quản lý ODA: Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng ODA, JBIC sẽ đẩy mạnh công tác hỗ trợ các nước tiếp nhận tăng cường năng lực quản lý ODA, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, giám sát và triển khai dự án cũng như công tác duy tu, bảo dưỡng và đánh giá dự án.

- Công khai hoá hơn nữa các hoạt động cung cấp và sử dụng ODA: JBIC sẽ đẩy

<sup>(4)</sup> Bộ Kế hoạch và Đầu tư, (2002), “ Chính mới của Nhật Bản trong cung cấp tín dụng ODA”, <http://www.mpi.gov.vn/Download/ODA/Untitled/Bantin.usp-id=114&BantinsolD=64.htm>

mạnh công khai hoá các hoạt động ODA của mình cho dân chúng Nhật Bản cũng như dân chúng các nước tiếp nhận viện trợ, tạo điều kiện cho nhân dân được đóng góp ý kiến vào công tác xây dựng chính sách ODA của JBIC nói chung cũng như công tác xây dựng dự án cụ thể, tăng cường sự giám sát của nhân dân Nhật Bản đối với việc thực thi các dự án ODA. JBIC cũng sẽ tăng cường đối thoại và thông tin cho các tổ chức viện trợ quốc tế và tăng cường phối hợp hoạt động với các tổ chức phi chính phủ (NGO).

Các mục tiêu trọng tâm trong thời kỳ trung hạn này cũng giống như thời kỳ trước đây. Điểm mới trong chính sách ODA này là việc đưa ra mục tiêu tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ phát triển khu vực nông thôn. Đối với Việt Nam, mục tiêu trọng tâm của JBIC là: (1) Phát triển cơ sở hạ tầng (nhất là điện, giao thông, thông tin liên lạc); (2) Xoá đói giảm nghèo; (3) Phát triển nguồn nhân lực và (4) Hỗ trợ xây dựng chính sách cải tổ cơ cấu.

Ngoài ra, Chính phủ Nhật Bản cũng có những thay đổi về loại hình và điều kiện tín dụng. Chương trình tín dụng đặc biệt dành để hỗ trợ một số nước chịu tác động của cuộc khủng hoảng tài chính khu vực năm 1997 sẽ kết thúc vào tháng 6 năm 2002, sau đó Chính phủ Nhật Bản sẽ ghép tín dụng đặc biệt vào Chương trình tín dụng thường niên dưới dạng một loại tín dụng mới với điều kiện đặc biệt dành cho quan hệ đối tác kinh tế (Special Term for Economic Partnership - STEP). Như vậy, tín dụng ODA Nhật Bản dành cho Việt Nam chỉ gói trọn trong một loại hình với 4 loại điều kiện tài chính khác nhau như sau:

*Điều kiện phổ cập:* Lãi suất 1,8%/năm, thời hạn thanh toán 30 năm bao gồm 10 năm ân hạn. Áp dụng cho các dự án mà đa phần tín dụng JBIC được dùng cho công tác xây dựng. Đấu thầu quốc tế rộng rãi.

*Điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường:* Lãi suất 1,3%/năm, thời hạn thanh toán 30 năm bao gồm 10 năm ân hạn. Áp dụng cho các dự án liên quan đến bảo vệ môi trường như cấp nước. Đấu thầu quốc tế rộng rãi.

*Điều kiện đặc biệt dành cho quan hệ đối tác:* Lãi suất sẽ được xác định hàng năm phù hợp với quy định của OECD, thời hạn thanh toán 40 năm bao gồm 10 năm ân hạn. Áp dụng cho các dự án mà đa phần tín dụng JBIC được dùng để nhập khẩu thiết bị, vật tư. Đấu thầu giữa các công ty Nhật Bản.

*Điều kiện đặc biệt bảo vệ môi trường:* Lãi suất 0,75%/năm, thời hạn thanh toán 40 năm bao gồm 10 năm ân hạn. Áp dụng cho các dự án trực tiếp bảo vệ môi trường như xử lý nước thải, rác thải, trồng rừng. Đấu thầu giữa các công ty Nhật Bản.

Trong năm 2006, Nhật Bản mới công bố Sách Trắng về viện trợ phát triển chính thức (ODA)<sup>5</sup>, trong đó nhấn mạnh để đảm bảo nguồn cung cấp tài nguyên và năng lượng, ODA cần phải được sử dụng để tăng cường quan hệ với các nước giàu tài nguyên, đồng thời cải thiện điều kiện để khai thác nguồn tài nguyên ở những nước đó. Ngoài việc hỗ trợ phát triển, ODA cũng cần phải đóng vai

<sup>5)</sup> Thông tấn xã Việt Nam, (2006), "Chính sách ODA mới của Nhật Bản", Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội Quốc gia, <http://www.ncseif.gov.vn/Default.aspx?mod=News&cat=18&nid=5031>

trò mới trong việc tạo dựng những sức mạnh vô hình để thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thị trường như bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thiết lập cơ chế hoạt động hải quan và mở rộng thỏa thuận quan hệ đối tác kinh tế. Sách Trắng cũng yêu cầu các nền kinh tế đang nổi lên, đặc biệt là Trung Quốc và Ấn Độ phải minh bạch trong việc cung cấp ODA cho các nước nghèo, nhất là các nước châu Phi. Do cả hai nước này đều có tốc độ tăng

trường kinh tế nhanh, song vẫn nhận ODA của Nhật Bản và các nhà tài trợ khác.

Đối với Việt Nam, Chính phủ và các doanh nghiệp Nhật Bản đánh giá cao tiềm năng kinh tế Việt Nam, do đó, Chính phủ Nhật Bản vẫn ưu tiên cho viện trợ ODA cho Việt Nam. Tính từ năm 1992 đến nay, Nhật Bản luôn là nước đứng đầu về hỗ trợ ODA cho Việt Nam (xem Bảng 1).

**Bảng 1: Vốn ODA cam kết của Nhật Bản cho Việt Nam 1992 - 2006**

*Đơn vị: Tỷ Yên*

<b>Năm t.khoá</b>	<b>ODA không hoàn lại</b>	<b>ODA vay ưu đãi</b>	<b>Tổng ODA</b>
1992	1,92	45,50	<b>47,42</b>
1993	7,62	52,30	<b>59,92</b>
1994	8,05	58,00	<b>66,05</b>
1995	12,11	70,00	<b>82,11</b>
1996	11,40	81,00	<b>92,40</b>
1997	11,50	85,00	<b>96,50</b>
1998	12,80	88,00	<b>100,80</b>
1999	10,70	101,30	<b>112,00</b>
2000	15,50	70,90	<b>86,40</b>
2001	17,30	74,30	<b>91,60</b>
2002	13,10	79,30	<b>92,40</b>
2003	12,40	79,30	<b>91,70</b>
2004	10,60	82,00	<b>92,60</b>
2005	12,58	88,32	<b>100,90</b>
2006	8,80	95,10	<b>103,90</b>
<b>Tổng ODA</b>	<b>166,38</b>	<b>1.150,32</b>	<b>1.316,70</b>

*Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam*

Qua Bảng 1 cho thấy, từ năm 1992 đến 1999 kim ngạch ODA tăng mạnh, mặc dù do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ Châu Á năm 1997 nhưng ODA của Nhật Bản cho Việt Nam không những không giảm mà ngược lại đạt vượt ngưỡng hơn 100

tỷ Yên. Đặc biệt năm 1998, năm 1999 lần lượt đạt 100,8 tỷ Yên và 112 tỷ Yên, con số này đã phản ánh sự hào tâm cũng như vai trò của Nhật Bản đối với quốc tế ngày càng lớn hơn. Đây cũng là thời điểm mà Nhật Bản thực hiện kế hoạch Miyazama do cựu thủ

tướng Nhật Bản đề xướng năm 1999 nhằm giúp các nước Đông Nam Á phục hồi nhanh nền kinh tế đã bị sụp đổ bởi cuộc khủng hoảng tài chính tiềm tệ Châu Á. Nhưng năm 2000 ODA của Nhật cho Việt Nam giảm mạnh (giảm 25,6 tỷ Yên so với năm 1999), nhưng lại tăng liên tục trong những năm gần đây, đặc biệt là năm 2006 lại vượt ngưỡng hơn 100 tỷ Yên. Nhìn chung trong những năm gần đây, kim ngạch ODA của Nhật Bản cam kết cho Việt Nam liên tục tăng với quy mô năm sau cao hơn năm trước, có xu hướng tăng theo kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam qua từng thời kỳ.

Vốn ODA của Nhật Bản dành cho Việt Nam tăng cả về chất lượng và quy mô nhằm

hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Đồng thời, Chính phủ Nhật Bản cũng tuyên bố rằng chính sách ODA đối với Việt Nam luôn dựa trên quan điểm cân nhắc tính nhân đạo, nhận thức về quan điểm tương hỗ giữa nguồn vốn bổ sung như ODA và FDI hoặc ODA với thúc đẩy xuất khẩu, chú trọng đến môi trường và hỗ trợ tinh thần tự lực của phía Việt Nam. Việc thực hiện chính sách này cũng dựa trên nguyên tắc điều hòa giữa phát triển và bảo vệ môi trường, nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường của Việt Nam. Từ đó, góp phần sử dụng hiệu quả nguồn vốn ODA của Nhật Bản ở Việt Nam.

**Bảng 2: Vốn cam kết ODA phân theo nhà tài trợ giai đoạn 2001 – 2005**

*Đơn vị tính: Triệu USD*

Số TT	Nguồn tài trợ/ Cơ quan tài trợ	Vốn cam kết (USD)					Tổng	
		2001	2002	2003	2004	2005	Số lượng	%
1	Nhật Bản	788.26	767.97	823.59	850.94	881.41	4,112.17	34
2	Liên minh Châu Âu	354.44	434.34	481.12	564.74	555.54	2,390.18	20
3	Các nước khác	126.37	94.05	128.60	134.60	149.54	633.16	5
4	ADB	288.65	244.34	187.38	296.57	590.38	1,607.31	13
5	NH thế giới (WB)	468.88	533.30	800.35	705.27	796.68	3,304.48	27
6	Liên hợp Quốc	44.03	39.43	23.54	12.84	27.72	147.56	1
	<b>Tổng số</b>	<b>2,070.63</b>	<b>2,113.43</b>	<b>2,444.58</b>	<b>2,564.95</b>	<b>3,001.27</b>	<b>12,194.85</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Cơ sở dữ liệu về viện trợ phát triển Việt Nam – Hội nghị giữa kỳ nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam, tháng 6 năm 2007.*

Điểm nổi bật trong sự thay đổi chính sách ODA của Nhật Bản cho Việt Nam là chuyển quan điểm từ việc sử dụng ODA để hỗ trợ phân cứng (tức là phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật) sang hỗ trợ phát triển phần mềm (tức là hạ tầng pháp lý và nguồn lực xã hội). Đặc điểm này cho thấy nó trùng hợp với quyết định mới công bố của Chính phủ Nhật Bản về việc điều chỉnh chính sách ODA ngắn hạn cho các nước đang phát triển. Để góp phần thúc đẩy chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam thời kỳ đó, trong chính sách ODA của Nhật Bản tập trung ưu tiên vào 5 lĩnh vực sau<sup>(6)</sup>:

(1). Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực. Bởi vì, phát triển cơ sở hạ tầng và đào tạo tốt nguồn nhân lực là hai nhân tố căn bản đầu tiên để thúc đẩy công nghiệp hóa phát triển.

(2). Hỗ trợ phát triển ngành giao thông vận tải và điện lực. Đây là hai ngành có ý nghĩa như là hạ tầng cơ sở kinh tế. Thiếu điện và giao thông vận tải kém hiệu quả sẽ hạn chế sức hấp dẫn các nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.

(3). Hỗ trợ phát triển nông nghiệp, cơ sở hạ tầng nông thôn. Cải thiện các điều kiện sản xuất và đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp là những chú ý hàng đầu, để có thể tạo ra một năng xuất trong công nghiệp hóa cao hơn.

(4). Ưu tiên cho giáo dục, sức khỏe và dịch vụ y tế. Đây là những điều kiện trực

tiếp tác động tới việc nâng cao đời sống của nhân dân và tạo điều kiện cho phát triển trong tương lai. Trong đó, chú ý tới tài trợ cho việc cải thiện công tác giảng dạy, thông qua cung cấp thiết bị và xây dựng các trường học,...

(5). Cải thiện môi trường, trong đó, nhấn mạnh tới bảo vệ tài nguyên thiên nhiên như quản lý và tu bổ rừng, cải thiện môi trường đô thị và kiểm soát ô nhiễm môi trường.

Tháng 6 năm 2006, Đại sứ quán Nhật Bản tại Hà Nội cũng công bố chính sách ODA mới của Nhật Bản cho Việt Nam. Chính sách này được hoạch định từ năm 2000 và đến nay mới bắt đầu áp dụng, sẽ trở thành chính sách ODA cơ bản cho Việt Nam trong thời gian tới. Điểm khác biệt so với chính sách ODA cũ là các dự án nhận hỗ trợ sẽ được lựa chọn thông qua đối thoại, chứ không theo yêu cầu như trước đây và khoản hỗ trợ được hoạch định ngay tại nước nhận ODA nhằm sử dụng nguồn vốn một cách có hiệu quả. Do vậy, chính sách ODA mới của Nhật Bản ưu tiên hỗ trợ hàng đầu vào 3 lĩnh vực<sup>(7)</sup> sau: (1). Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Để thực hiện mục tiêu này, Nhật Bản sẽ tập trung hỗ trợ vào lĩnh vực cải cách kinh tế như hoàn thiện môi trường đầu tư, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, phát triển kinh tế tư nhân, nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông vận tải, điện lực, công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực, cải cách doanh nghiệp nhà nước; (2). Cải thiện đời sống và các lĩnh

<sup>(6)</sup> Ngô Xuân Bình, (1999), *Quan hệ Nhật Bản- AEAN: Chính sách và tài trợ ODA*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr296, 298

<sup>(7)</sup> Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, "Hợp tác kinh tế của Nhật Bản", [http://www.vn.emb-japan.go.jp/html/voda\\_jp.html](http://www.vn.emb-japan.go.jp/html/voda_jp.html)

vực xã hội; (3). Hoàn thiện thể chế pháp luật. Nhật Bản sẽ hỗ trợ Việt Nam cải cách hành chính, trong đó có cải cách chế độ công chức thông qua việc sử dụng kinh nghiệm và các công nghệ tiên tiến của Nhật Bản.

Ba lĩnh vực này cũng là những mục tiêu chính mà Chính phủ Việt Nam đang đặt ra trong kế hoạch phát triển và xóa đói giảm nghèo. Chính sách ODA mới này một lần nữa được nghi nhận và xem xét nghiêm túc trong cuộc họp giữa Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và Thủ tướng Shinzo Abe tại Nhật Bản ngày 19/10/2006.

Tuy nhiên, có quan điểm cho rằng chính sách ODA của Nhật Bản ít nhiều mang tính điều kiện cho Việt Nam và nhằm phục vụ cho những lợi ích chiến lược lâu dài của Chính phủ Nhật Bản hơn là những thiện ý như phía Nhật Bản công bố. Điều này thể hiện rất rõ trong Sách Trắng về hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) công bố năm 2006 nêu trên. Cụ thể là, Chính sách ODA của Nhật Bản trong việc phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam là nhằm phát triển và “khai thác hành lang nghèo” với tư cách là vùng phụ cận chiến lược cho Nhật Bản. Song, dù chính sách ODA của Nhật Bản được nhìn nhận như thế nào chăng nữa ví như tâm huân chương luôn có hai mặt thì hiện tại nguồn vốn ODA của Nhật Bản vẫn được coi là nguồn vốn có ý nghĩa hết sức quan trọng cho tiến trình thực hiện công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

Nhiều đánh giá cho rằng chính sách ODA của Nhật Bản cho Việt Nam đã có thay đổi rất lớn gắn liền với những biến đổi của tình

hình quốc tế, tình hình khu vực và sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Từ quan điểm sử dụng ODA để hỗ trợ phần cứng sang hỗ trợ phát triển phần mềm cho Việt Nam và tập trung ưu tiên vào 5 lĩnh vực: Hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực; hỗ trợ phát triển ngành giao thông vận tải và điện lực; hỗ trợ phát triển nông nghiệp, cơ sở hạ tầng nông thôn; ưu tiên cho giáo dục, sức khỏe và dịch vụ y tế; và cải thiện môi trường. Sau đó, năm 2002 Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC) đã công bố “Chính sách trung hạn của JBIC trong việc cung cấp tín dụng ODA. Mục tiêu trọng tâm thời kỳ trung hạn này là: (1) Phát triển cơ sở hạ tầng (nhất là điện, giao thông, thông tin liên lạc); (2) Xóa đói giảm nghèo; (3) Phát triển nguồn nhân lực và (4) Hỗ trợ xây dựng chính sách cải tổ cơ cấu. Đồng thời, Chính phủ Nhật Bản cũng có những thay đổi về loại hình và điều kiện tín dụng với 4 loại điều kiện tài chính khác nhau như: Điều kiện phổ cập lãi suất 1,8%/năm, điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường lãi suất 1,3%/năm, điều kiện đặc biệt dành cho quan hệ đối tác và điều kiện đặc biệt bảo vệ môi trường lãi suất 0,75%/năm, thời hạn thanh toán 40 năm và 10 năm ân hạn. Năm 2006 Nhật Bản công bố chính sách ODA mới nhất cho Việt Nam ưu tiên hàng đầu vào 3 lĩnh vực: Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; cải thiện đời sống và các lĩnh vực xã hội; hoàn thiện thể chế pháp luật. Nhìn chung chính sách ODA của Nhật Bản trong gần một thập kỷ qua về cơ bản phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội Việt Nam và đáp ứng

được sự mong muốn của Chính phủ và nhân dân Việt Nam - Nhật Bản. ODA của Nhật Bản trong thời gian qua có ý nghĩa to lớn trong việc nâng cao vị thế của Việt Nam trên thị trường thế giới, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đã gia nhập WTO, đã là thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008-2009. Thêm vào đó, mối quan hệ Việt Nam - Nhật Bản ngày càng phát triển trở thành đối tác chiến lược của nhau; nhiều đánh giá cho rằng ODA của Nhật Bản đã được sử dụng có hiệu quả ở Việt Nam. Những thuận lợi đó đã tạo cho nước ta nhiều triển vọng trong việc thu hút và sử dụng ODA Nhật Bản trong thời gian tới.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Xuân Bình, (1999), *Quan hệ Nhật Bản- ASEAN: Chính sách và tài trợ ODA*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr278, 279, 296, 298.

2. Báo Hà Nội mới điện tử, *Nhật Bản luôn ưu tiên viện trợ ODA cho Việt Nam*, [http://beta.baomoi.com/Home/KinhTe/www.cand.com.vn/Nhat\\_Ban\\_luon\\_uu\\_tien\\_vien\\_tro\\_ODA\\_cho\\_Viet\\_Nam/1356536.epi](http://beta.baomoi.com/Home/KinhTe/www.cand.com.vn/Nhat_Ban_luon_uu_tien_vien_tro_ODA_cho_Viet_Nam/1356536.epi)

3. Báo tổ Quốc điện tử, *"Tổ chức cuộc họp về chính sách hợp tác kinh tế giữa Nhật Bản và Việt Nam năm tài chính 2004"*, <http://www.mofa.gov.vn/quocte/27,04/kinh%20te%20viet%20nhat%20tinmoi27,04.htm>

4. Báo lao động, "Chính sách ODA mới của Nhật Bản",

<http://www.laodong.com.vn/Home/kinhte/2006/12/16928.laodong>

5. Báo Công nghiệp, "Hợp tác toàn diện Nhật Bản-Việt Nam", <http://irv.moi.gov.vn/News/PrintView.aspx?ID=12629>

6. Cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài, *"Nhật Bản sẽ tiếp tục chính sách ưu tiên viện trợ cho VN"*, [http://www.vietnamconsulate-hongkong.org/vnemb.vn/tin\\_hddn/ns060529092802?b\\_start:int=90](http://www.vietnamconsulate-hongkong.org/vnemb.vn/tin_hddn/ns060529092802?b_start:int=90)

7. Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, *"Hợp tác kinh tế của Nhật Bản"*, [http://www.vn.emb-japan.go.jp/html/voda\\_jp.html](http://www.vn.emb-japan.go.jp/html/voda_jp.html)

8. Trần Khuê, *"Điều kiện mới để xét viện trợ ODA từ Chính phủ Nhật Bản"*, <http://vietbao.vn/Xa-hoi/Dieu-kien-moi-de-xet-vien-tro-ODA-tu-Chinh-phu-Nhat/40019071/157/>

9. Quan hệ Việt Nam-Nhật Bản qua các thời kỳ khác nhau, <http://www.japanest.com/forum/archive/index.php?t-2632.html>

10. Nhật Bản ra sách trắng về viện trợ ODA, <http://www.thongtinnhatban.net/fr/t186.html>

11. *Việt Nam đến với "Tương lai Châu Á"*, [http://vietnamnet.vn/service/printversion.vnn?article\\_id=432636](http://vietnamnet.vn/service/printversion.vnn?article_id=432636)

12. Thông tấn xã Việt Nam, *"ODA là câu chuyện thành công trong quan hệ Việt-Nhật Bản"*, <http://www.vnagency.com.vn/pPrint.aspx?itemid=233244>